TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73 /2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2025/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị M**,** sinh năm 1994;

ĐKHKTT: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang

(Thôn K, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cũ)

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn N**,** sinh năm 1989

ĐKHKTT: Khu T2, xã M, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Đinh Thị Hạnh – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 01 tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị M và Anh Hà Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị M và anh N có 02 (hai) con chung là Hà Thị T sinh ngày 15/6/2016 và Hà Thị Bảo Y2 sinh ngày 15/6/2018. Khi ly hôn, anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Tân và cháu Yến kể từ tháng 3/2026 đến khi từng cháu thành niên. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N tự nguyện không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng:* Chị M và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị M phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận Chị M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007153 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho Chị M 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho Anh Hà Văn N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Minh Đài;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Mai